

Số: /BC- UBND

Đông Trà Bồng, ngày tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO

Tổng kết, đánh giá việc thực hiện các quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi.

Thực hiện Công văn số 1008/SNV-XDCQ ngày 03/9/2025 của Sở Nội vụ về việc tổng kết đánh giá thực hiện các quy định hiện hành¹ về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động ở thôn, tổ dân phố, UBND xã Đông Trà Bồng báo cáo như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Xã Đông Trà Bồng được hình thành trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên của 03 xã Trà Giang, Trà Phú, Trà Bình thuộc huyện Trà Bồng (cũ) (74,82853 km²), quy mô dân số (11.197 người). Chính thức vận hành mô hình chính quyền địa phương theo Nghị quyết 1677/NQ-UBTVQH15 của UBTVQH về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Quảng Ngãi năm 2025 và đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025. Sau khi chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động, vẫn giữ nguyên số lượng các thôn hiện có là 11 thôn: Bình Thanh, Bình Đông, Bình Tân, Bình Trung, Phú Tài, Phú Hòa, Phú Long, Phú An, Thôn 1, Thôn 2, Thôn 3.

Về vị trí địa lý: Phía Đông giáp xã Bình Chương (mới), xã Bình Minh (mới) và xã Ba Gia (mới); phía Tây giáp xã Trà Bồng (mới); phía Nam giáp xã Cà Đam (mới) và xã Trường Giang (mới); phía Bắc giáp thành phố Đà Nẵng (mới).

Trong những năm qua, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành trong tỉnh, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, nêu cao tinh thần đoàn kết, thống nhất, khắc phục khó khăn, phát huy nội lực, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc trên địa bàn xã đã đạt được những thành quả quan trọng trên các lĩnh vực của đời sống xã hội: Kinh tế tăng trưởng khá; Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực; Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên; Các lĩnh vực văn hóa - xã hội được quan tâm và có nhiều tiến bộ; các chính sách xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, tạo môi trường thuận cho phát triển kinh tế, xã hội.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

¹Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018; Thông tư số 05/2022/TT-BNV ngày 23/5/2022); Nghị định số 33/2018/NĐ-CP ngày 10/6/2018 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

1. Công tác chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện

Đảng uỷ, HĐND và UBND xã đã chỉ đạo thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; những công việc do cấp uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp trên triển khai đến thôn. Xây dựng và thực hiện quy chế, hương ước, quy ước của thôn; tích cực tham gia cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, xây dựng phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, mô hình “Khu dân cư không có tội phạm và tệ nạn xã hội” và các phong trào, các cuộc vận động do các tổ chức chính trị - xã hội phát động.

2. Kết quả thực hiện

a) Về tổ chức của thôn, tổ dân phố (*cụ thể việc bố trí số lượng Phó trưởng thôn, Tổ phó Tổ dân phố*)

- Số lượng thôn: 11 thôn.

+ Quy mô dưới 150 hộ có 03 thôn, gồm thôn 1 (73 hộ), thôn 2 (38 hộ), thôn 3 (43 hộ).

+ Quy mô từ 150 đến 350 hộ có 03 thôn, gồm thôn Bình Đông (324 hộ), Phú Long (232 hộ), Phú An (282 hộ).

+ Quy mô từ 350 hộ đến 500 hộ có 05 thôn, gồm Phú Hòa (355 hộ), Phú Tài (438 hộ), Bình Tân (355 hộ), Bình Trung (369 hộ), Bình Thanh (459 hộ).

+ Quy mô từ 500 hộ trở lên: Không có.

- Tổ chức của thôn:

+ Số thôn chưa có chi bộ: 0 thôn.

+ Số lượng tổ chức Đảng, đoàn thể: Các thôn đều có đủ tổ chức Đảng, đoàn thể: 11 Chi bộ, 11 Ban công tác Mặt trận thôn, 11 Chi hội Nông dân, 11 Chi hội Phụ nữ, 11 Chi Đoàn Thanh niên; 11 Chi hội Cựu chiến binh.

+ Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn: 22 người/11 thôn. Trong đó: Bí thư chi bộ thôn 11 người, Trưởng thôn: 11 người (11 người do Bí thư chi bộ kiêm nhiệm), Trưởng Ban công tác Mặt trận: 11 người (01 người cán bộ không chuyên trách ở xã kiêm nhiệm).

+ Số lượng đảng viên của từng thôn: Tổng số đảng viên thuộc các chi bộ thôn là 180 đảng viên, trong đó: Chi bộ thôn 1: 18 đảng viên; Chi bộ thôn 2: 08 đảng viên; Chi bộ thôn 3: 09 đảng viên; Chi bộ thôn Phú Tài: 28 đảng viên; Chi bộ thôn Phú Hòa: 13 đảng viên; Chi bộ thôn Phú An: 16 đảng viên; Chi bộ thôn Phú Long: 11 đảng viên; Chi bộ thôn Bình Thanh: 25 đảng viên; Chi bộ thôn Bình Trung: 19 đảng viên; Chi bộ thôn Bình Đông: 14 đảng viên; Chi bộ thôn Bình Tân: 19 đảng viên.

+ Tình trạng nhà sinh hoạt cộng đồng ở thôn: 11 thôn đều có hội trường thôn (nhà sinh hoạt cộng đồng), là nơi diễn ra các buổi hội nghị, tiếp xúc cử tri,

các buổi sinh hoạt của cả hệ thống chính trị cơ sở và toàn thể nhân dân nhằm tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiến thức khoa học, kỹ thuật; giáo dục tư tưởng đạo đức, lối sống, nếp sống văn hóa lành mạnh trên địa bàn dân cư; là nền tảng cho công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, góp phần xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới, đô thị văn minh. Đây cũng chính là nơi tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng, các lễ hội hàng năm của khu dân cư. Thông qua việc tổ chức các hoạt động tại Nhà sinh hoạt cộng đồng, đời sống văn hóa tinh thần, ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân ngày càng được nâng cao, nhân dân càng vững tin vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, tích cực lao động sản xuất đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

+ Số lượng người trực tiếp tham gia vào công việc của thôn: đến hết tháng 9/2025 có 43 người tham gia trực tiếp vào các công việc của thôn như chi đoàn Thanh niên, chi hội Người cao tuổi, Chi hội CTĐ, chi hội phụ nữ, chi hội nông dân, chi hội CCB...

b) Về hoạt động của thôn, tổ dân phố:

- Việc tổ chức hội nghị của thôn:

Hội nghị thôn được tổ chức 02 lần/năm, chủ yếu là vào giữa năm và cuối năm, ngoài ra khi cần, trưởng thôn sẽ triệu tập hội nghị bất thường. Hội nghị bất thường chủ yếu là để lấy ý kiến nhân dân triển khai các công trình, dự án, góp ý Quy chế quản lý nghĩa trang. Thành phần hội nghị là toàn thể nhân dân hoặc đại diện hộ, người có uy tín trong thôn. Cộng đồng dân cư trong thôn cùng nhau thảo luận, quyết định và thực hiện các công việc tự quản, bảo đảm đoàn kết, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; xây dựng cuộc sống mới; giúp đỡ nhau trong sản xuất và đời sống; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp, thuần phong, mỹ tục của thôn; xây dựng cơ sở hạ tầng của thôn; xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước. Định kỳ hàng tháng, Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, Trưởng ban công tác mặt trận thôn và các ban ngành, đoàn thể thôn tổ chức họp triển khai nhiệm vụ trong tháng và bàn bạc, thảo luận, thống nhất các vấn đề, nội dung có liên quan thực hiện trong tháng. Chế độ sinh hoạt hàng tháng kết hợp với sinh hoạt đầu tháng dưới cờ duy trì việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Về công tác bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn: Sau sáp nhập chính quyền địa phương 02 cấp, hiện nay xã vẫn giữ nguyên hiện trạng số lượng cán bộ làm trưởng thôn tiếp nhận từ UBND huyện Trà Bồng (cũ), chưa tổ chức bầu và bổ nhiệm lại.

- Kết quả việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn:

+ Những mặt đã đạt được: Các trưởng thôn đã chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng ủy, chính quyền cấp trên với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, lồng ghép tuyên truyền học tập các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước gắn với đẩy mạnh việc “Học

tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Tăng cường xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết tôn giáo gắn với thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, phát huy vai trò Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước trong nhân dân phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, tham gia xây dựng đảng, chính quyền, xây dựng hệ thống chính trị... Đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất giỏi, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần trong các tầng lớp nhân dân, phong trào đền ơn đáp nghĩa, vì người nghèo, công tác nhân đạo từ thiện được khơi dậy và phát huy.

+ Những mặt còn tồn tại, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân: Hoạt động của thôn còn nhiều khó khăn, hạn chế như do địa bàn rộng, có đặc thù riêng, mật độ dân cư phân bố lại không đồng đều. Bên cạnh đó chế độ phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách ở thôn chưa cao, từ còn nhiều khó khăn ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện chế độ, chính sách, giải quyết đơn thư đối với Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, Trưởng ban công tác Mặt trận; người tham gia trực tiếp vào công việc của thôn: Thực hiện tốt công tác chi trả chế độ phụ cấp hàng tháng đúng quy định, kịp thời đối với Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, Trưởng ban công tác mặt trận thôn theo Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định chức danh, mức phụ cấp, mức hỗ trợ, việc kiêm nhiệm chức danh, phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; không có đơn thư kiến nghị, phản ánh đối với Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, Trưởng ban công tác Mặt trận thôn.

c) Về số lượng thôn, tổ dân phố và việc thành lập, sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố:

- Số lượng thôn sau sáp nhập thôn: 11 thôn, tên gọi giữ nguyên như trước khi sáp nhập (*số liệu tính đến thời điểm báo cáo theo Phụ lục 01 đính kèm*).

- Về điều kiện, quy trình thành lập mới, sáp nhập, giải thể; đặt tên, đổi tên, xóa tên thôn, tổ dân phố: Không có.

- Về việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện hành: Không có.

d) Về nhiệm vụ, quyền hạn; tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố:

Các trưởng thôn thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định hiện hành tại các văn bản sau: Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018; Thông tư số 05/2022/TT-BNV ngày 23/5/2022); Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày

10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Công tác bầu Trưởng thôn nhiệm kỳ 2025-2027 thực hiện vào quý I/2025; quy trình thủ tục thực hiện đảm bảo theo quy định hiện hành.

đ) Về chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố hưởng phụ cấp hàng tháng; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố hưởng hỗ trợ hàng tháng (*số liệu tính đến thời điểm báo cáo theo Phụ lục 02 đính kèm*)

- Về mức phụ cấp: Thực hiện theo Nghị định 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ, Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Cụ thể:

+ Mức phụ cấp cao nhất đối với chức danh Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng thôn có bằng đại học với thôn có số hộ lớn hơn 350 hộ là: 10.062.000 đồng/tháng; mức thấp nhất đối với Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng thôn với thôn có số hộ dân nhỏ hơn 350 hộ và có bằng chuyên môn trung cấp là 7.488.000 đồng/tháng.

+ Mức phụ cấp cao nhất đối với chức danh Trưởng ban công tác Mặt trận thôn có số hộ lớn hơn 350 hộ dân là 5.031.000 đồng/tháng; Mức phụ cấp thấp nhất đối với Trưởng ban công tác Mặt trận thôn có số hộ dân nhỏ hơn 350 hộ dân là 3.510.000 đồng/tháng.

+ Mức phụ cấp đối với người tham gia hoạt động ở thôn hiện áp dụng 600.000 đồng/tháng.

- Về việc triển khai sắp xếp, bố trí người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã về làm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố khi thực hiện các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và văn bản của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về sắp xếp ĐVHC và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp:

Tổng số người hoạt động không chuyên trách ở xã sau khi chính quyền 02 cấp bắt đầu hoạt động từ ngày 01/07/2025 là 27 người, trong đó giải quyết chính sách nghỉ thôi việc ngay khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo Nghị định 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ 25 người (nghỉ từ ngày 01/7/2025), còn lại 02 người tiếp tục bố trí công tác đến 30/5/2026, trong đó 01 người về công tác tại Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã, 01 người về làm trợ lý Ban chỉ huy Quân sự xã; Dự kiến 02 người hoạt động không chuyên trách ở xã này sẽ được giải quyết theo phương án chung của tỉnh khi có chủ trương.

Về giải quyết chính sách cho 25 người hoạt động không chuyên trách nghỉ sau khi thực hiện chính quyền 02 cấp: Hiện nay ngân sách tỉnh đã bổ sung kinh phí, UBND xã giao cho Phòng Văn hoá-Xã hội chi trả theo quy định.

3. Đánh giá chung

a) Những kết quả đạt được

- Trưởng các thôn chủ yếu là do Bí thư chỉ bộ thực hiện kiêm nhiệm, nên công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành được thực hiện song song, hiệu quả. Trưởng thôn nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm trong công tác. Bên cạnh đó, UBND xã luôn tạo điều kiện để các Trưởng thôn, Phó thôn vừa tham gia công tác xã hội, thực hiện nhiệm vụ vừa phát triển kinh tế gia đình.

- Qua các buổi họp ở thôn, Ban Nhân dân, Ban công tác Mặt trận, các hội đoàn thể các thôn tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đã tạo nên một diện mạo mới trong việc phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của địa phương.

- Đời sống vật chất, tinh thần và ý thức người dân ngày càng được nâng lên. Công tác phối hợp giải quyết, xử lý công việc của các cấp ủy, Ban nhân dân thôn, Ban công tác Mặt trận thôn, các chi hội Đoàn thể và công an kịp thời. Kịp thời triển khai các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các văn bản của cấp trên đến với nhân dân.

b) Những hạn chế, khó khăn

- Địa bàn xã có phạm vi rộng, dân cư ngày càng tăng và phân bố không đồng đều ở các thôn nên việc quản lý dân cư và triển khai tổ chức các buổi hội họp, sinh hoạt ở một số thôn gặp khó khăn.

- Đội ngũ cán bộ hoạt động không chuyên trách ở thôn có lúc biến động; một số cán bộ còn hạn chế về nghiệp vụ công tác quản lý hành chính nhà nước, chưa thường xuyên cập nhật các pháp luật hiện hành; trong công tác hòa giải cơ sở còn gặp vướng mắc.

- Một số chức danh hoạt động không chuyên trách ở thôn nhưng chế độ phụ cấp chưa tương xứng với trách nhiệm được giao, ảnh hưởng đến tinh thần, khả năng tham gia công tác của cán bộ thôn.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề xuất, kiến nghị cụ thể những nội dung quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố; phương án sắp xếp tổ chức lại thôn, tổ dân phố khi thực hiện sắp xếp ĐVHC và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp như sau:

1. Về tổ chức của thôn, tổ dân phố: đề xuất quy định về số lượng phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố; số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; số lượng người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; các tổ chức tự quản ở thôn, tổ dân phố cho phù hợp với đặc thù của địa phương trong giai đoạn tới.

a) Mỗi thôn có 01 Trưởng thôn; Trường hợp cần thiết thì có 01 Phó Trưởng thôn.

b) Phó Trưởng thôn, lựa chọn sau khi thống nhất với Trưởng Ban công tác mặt trận thôn; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận Phó Trưởng thôn.

c) Mỗi thôn có 05 người tham gia hoạt động theo các lĩnh vực để giúp trưởng thôn trong công tác thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao.

2. Về nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố:

a) Cộng đồng dân cư ở thôn bản, quyết định chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi ở xã, thôn, tổ dân phố do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc tự quản trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Cộng đồng dân cư tham gia bàn và biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định; tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định về các công việc của thôn, tổ dân phố và của xã theo quy định của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã.

c) Xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của thôn; tham gia tự quản trong việc giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp ở địa phương, phòng, chống các tệ nạn xã hội.

d) Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia, hưởng ứng các phong trào, cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động.

đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn.

e) Hội nghị thôn, tổ dân phố được tổ chức mỗi năm 2 lần (thời gian vào giữa năm và cuối năm); khi cần có thể họp bất thường. Thành phần hội nghị là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn. Hội nghị do Trưởng thôn triệu tập và chủ trì. Hội nghị được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn tham dự.

g) Việc tổ chức đề nhân dân bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định được thực hiện theo quy định Nghị quyết liên tịch của của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

3. Về điều kiện, quy trình thành lập mới, sáp nhập, giải thể; đặt tên, đổi tên, xóa tên thôn, tổ dân phố và việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện hành:

a) Quy mô dân số tối thiểu từ 400 hộ dân được thành lập 01 thôn.

b) Định hướng sáp nhập số thôn hiện có xuống còn 50% và phù hợp với định hướng chung của Chính phủ để phù hợp với năng lực quản lý của đơn vị hành chính xã mới.

4. Về nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Phó trưởng thôn và việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Phó trưởng thôn

4.1. Nhiệm vụ

a) Triệu tập và chủ trì hội nghị thôn; tổ chức thực hiện những công việc thuộc phạm vi thôn, tổ dân phố đã được nhân dân bàn và quyết định; bảo đảm các nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố theo quy định;

b) Vận động, tổ chức nhân dân thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở và hương ước, quy ước của thôn đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

c) Tập hợp, phản ánh, đề nghị chính quyền cấp xã giải quyết những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của nhân dân trong thôn. Báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân xã về những hành vi vi phạm pháp luật trong thôn;

d) Thực hiện việc lập biên bản về kết quả đã được nhân dân thôn bàn và quyết định trực tiếp những công việc của thôn; lập biên bản về kết quả đã được nhân dân thôn bàn và biểu quyết những công việc thuộc phạm vi xã; báo cáo kết quả cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã;

đ) Phối hợp với Ban công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn để vận động nhân dân tham gia thực hiện các phong trào và cuộc vận động do các tổ chức này phát động;

e) Sáu tháng đầu năm và cuối năm phải báo cáo kết quả công tác trước hội nghị thôn.

4.2. Quyền hạn

a) Được ký hợp đồng về xây dựng công trình do nhân dân trong thôn đóng góp kinh phí đầu tư đã được hội nghị thôn thông qua và bảo đảm các quy định liên quan của chính quyền;

b) Được phân công nhiệm vụ giải quyết công việc cho Phó Trưởng thôn; được chính quyền xã mời họp và cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến quản lý, hoạt động của thôn; được bồi dưỡng, tập huấn về công tác tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Trưởng thôn và Phó trưởng thôn, phải là người có hộ khẩu thường trú và cư trú thường xuyên ở thôn, tổ dân phố; đủ 21 tuổi trở lên, có sức khỏe, nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm trong công tác; có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt, được nhân dân tín nhiệm; bản thân và gia đình gương mẫu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương; có kiến thức văn hóa, năng lực, kinh nghiệm và phương pháp vận động, tổ chức nhân dân thực hiện tốt các công việc tự quản của cộng đồng dân cư và công việc cấp trên giao.

4.3. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn

4.3.1. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn:

a) Trên cơ sở thống nhất với Chi ủy Chi bộ, Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố đề cử danh sách đề Hội nghị của thôn bầu Trưởng thôn; tại hội nghị này, cử tri tại thôn có thể tự ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử. Căn cứ kết quả bầu

cử, Ủy ban nhân dân xã quyết định công nhận Trưởng thôn. Thời điểm tổ chức bầu được thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, thực hiện theo quy định tại Nghị quyết liên tịch của Chính phủ và Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh dân chủ cơ sở.

4.3.2. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn và Phó Trưởng thôn:

a) Trưởng thôn, có nhiệm kỳ là 2,5 năm (hai năm rưỡi) hoặc 05 năm (năm năm) do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định thống nhất và phù hợp với điều kiện cụ thể ở địa phương. Trường hợp do thành lập thôn mới hoặc khuyết Trưởng thôn thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định cử Trưởng thôn lâm thời để điều hành hoạt động của thôn cho đến khi bầu được Trưởng thôn trong thời hạn không quá sáu tháng kể từ ngày có quyết định cử Trưởng thôn lâm thời.

b) Nhiệm kỳ của Phó Trưởng thôn thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn.

5. Về chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố hưởng phụ cấp hàng tháng; người tham gia hoạt động ở thôn

5.1. Trưởng thôn là những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; được hưởng phụ cấp hàng tháng, mức phụ cấp do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

5.2. Trưởng thôn và Phó Trưởng thôn được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn những kiến thức, kỹ năng cần thiết; nếu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được biểu dương, khen thưởng; không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm khuyết điểm, không được nhân dân tín nhiệm thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.”

Trên đây là báo cáo về tổng kết đánh giá thực hiện các quy định hiện hành và đề xuất, kiến nghị về tổ chức, hoạt động của thôn và chế độ, chính sách đối với người hoạt động ở thôn, UBND xã Đông Trà Bồng kính báo cáo Sở Nội vụ tỉnh tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Phòng VH-XH xã;
- VP HĐND và UBND: CVP, CV;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Lê Minh Vương

Phụ lục 01**Tổng hợp số liệu về thôn, tổ dân phố**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /9/2025 của UBND xã Đông Trà Bồng)

I. Số lượng thôn, tổ dân phố trên địa bàn

Tổng số thôn, tổ dân phố			Quy mô số hộ gia đình (hộ) của thôn				Quy mô số hộ gia đình (hộ) của Tổ dân phố			
Tổng số	Số thôn	Số tổ dân phố	Dưới 150 hộ	Từ 150- dưới 350 hộ	Từ 350 đến 500 hộ	Trên 500 hộ	Dưới 300 hộ	Từ 300 đến 500 hộ	Từ 500 đến 1.000 hộ	Trên 1.000 hộ
11	11		3	3	5					

II. Số lượng thôn, tổ dân phố ở đặc khu và xã đảo (nếu có)

Số Thôn, Tổ dân phố ở đặc khu			Số thôn, Tổ dân phố ở ĐVHC được công nhận là xã đảo còn lại (không tính các đặc khu)		
Tổng số	Số thôn	Số Tổ dân phố	Tổng số	Số thôn	Số Tổ dân phố

III. Số lượng thôn, tổ dân phố ở khu vực biên giới; địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự (nếu có)

Số Thôn, Tổ dân phố ở khu vực biên giới (ĐVHC cấp xã đã được công nhận là xã biên giới đất liền theo quy định hiện hành)			Số thôn, Tổ dân phố thuộc ĐVHC được công nhận là trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự (không tính các trường hợp đã được công nhận là đặc khu, xã đảo, xã biên giới theo quy định hiện hành)		
Tổng số	Số thôn	Số Tổ dân phố	Tổng số	Số thôn	Số Tổ dân phố

Phụ lục 02

**Tổng hợp người hoạt động không chuyên trách (HĐKCT) ở thôn, tổ dân phố
và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố**
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /9/2025 của UBND xã Đông Trà Bồng)

I. Số lượng người hoạt động không chuyên trách (HĐKCT); người tham gia hoạt động ở thôn, Tổ dân phố

Số người HĐKCT (trường hợp kiêm nhiệm thì chỉ tính ở một chức danh và ghi rõ chức danh kiêm nhiệm)					Số người tham gia hoạt động ở thôn, Tổ dân phố
Tổng số	Bí Thư chi bộ	Trưởng thôn/Tổ trưởng Tổ dân phố	Trưởng ban công tác mặt trận	Việc thực hiện kiêm nhiệm (Bí thư kiêm Trưởng thôn/ Tổ trưởng Tổ dân phố; Bí thư kiêm trưởng Ban công tác Mặt trận...)	Tổng số
22	11	11	11	Bí thư kiêm trưởng thôn 11 người	43

II. Số lượng người HĐKCT ở cấp xã đã bố trí về thôn, tổ dân phố

Tổng số	Số đã giải quyết chế độ, chính sách	Số đã bố trí về thôn, tổ dân phố	Số còn lại
27	25	0	2

III. Chế độ, chính sách đối với người HĐKCT; người tham gia hoạt động ở thôn, Tổ dân phố

1. Người HĐKCT ở thôn, tổ dân phố

- Tổng mức phụ cấp chi cho người HĐKCT ở thôn, tổ dân phố theo mức khoán của trung ương của toàn xã (phường, đặc khu): 115.830.000 đồng/tháng và 1.839.960.000 đồng/năm cho 33 người hiện có.
- Tổng mức phụ cấp chi cho người HĐKCT ở thôn, tổ dân phố theo mức khoán của tỉnh: 24.570.000 đồng/tháng và 294.840.000 đồng/năm.
- Mức phụ cấp trung bình trên một ĐVHC cấp xã; trên một thôn/tổ dân phố: 12.764.000 đồng/01 thôn/tháng và 153.168.000 đồng/thôn/năm.

2. Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

- Tổng mức hỗ trợ cho người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố theo mức khoán của tỉnh của toàn xã (phường, đặc khu): 25.800.000 đồng/tháng và 309.600.000 đồng/năm cho 43 người hiện có.
- Mức hỗ trợ trung bình trên một ĐVHC cấp xã; trên một thôn/tổ dân phố 2.345.454 đồng/thôn/tháng và 28.145.448 đồng/thôn/năm.